

PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND xã Tứ Kỳ)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên công trình, dự án	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã giao đến hết năm 2024 từ tất cả các nguồn vốn	Tổng kế hoạch vốn giao giai đoạn 2021- 2025					Kế hoạch đầu tư công năm 2025					Kế hoạch giải ngân đến 30/11/2025	
		Tổng số	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Bao gồm				Tổng số các nguồn vốn	Bao gồm				Bao gồm	
						Vốn XD CB tập trung	Thu sử dụng đất	Vốn bổ sung ngân sách cấp trên	Nguồn vốn khác		Nguồn tăng thu NSX	Thu sử dụng đất	Vốn bổ sung ngân sách cấp trên	Nguồn vốn khác	Tổng vốn giải ngân	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)=8+9+10	(8)	(9)	(10)		(11)=12+13+14	(12)	(13)	(14)		(18)	(21)
	TỔNG CỘNG	236.793.8	236.793.8	55.333.8	53.215.3	0.0	18.706.0	23.169.0	11.340.0	66.325.3	0.0	3.000.0	58.625.3	4.700.0	63.348.1	96%
I	Dự án đã hoàn thành	178,923.3	178,923.3	51,298.8	20,169.0	0.0	0.0	20,169.0	0.0	58,625.3	0.0	0.0	58,625.3	0.0	58,648.1	100%
	Minh Đức (cũ)	37,309.7	37,309.7	11,767.3	20,169.0	0.0	0.0	20,169.0	0.0	15,470.1	0.0	0.0	15,470.1	0.0	15,493.0	100%
1	Các hạng mục phụ trợ trường MN Minh Đức (Điểm Minh Cường); Hạng mục: San nền, cổng, tường rào)	2,194.60	2,194.60		2,048.30			2,048.30		2,017.60			2,017.60		2,017.60	100%
2	Đường giao thông nội đồng xã Minh Đức (tuyến nội đồng xóm 3, tuyến đường ra bãi rác)	1,809.90	1,809.90	1,209.6	517.60			517.60		500.40			500.40		500.40	100%
3	Các hạng mục phụ trợ trường Mầm non xã Minh Đức, điểm trường trung tâm, huyện Tứ Kỳ	4,070.47	4,070.47	1,000.0	3,070.47			3,070.47		2,994.17			2,994.17		2,994.17	100%
4	Sân vận động trung tâm xã Minh Đức, huyện Tứ Kỳ	10,476.99	10,476.99	4,181.7	3,523.03			3,523.03		3,295.13			3,295.13		3,295.10	100%
5	Nâng tầng 2 nhà lớp học bộ môn 1 tầng 3 phòng trường THCS Minh Đức	2,107.90	2,107.90	72.4	2,001.45			2,001.45		1,978.55			1,978.55		2,001.40	101%
6	Các hạng mục phụ trợ trường MN Minh Đức (Điểm thôn Minh Cường). Hạng mục: Vườn cỏ tích + vỉa hè bên ngoài	677.25	677.25		637.60			637.60		629.50			629.50		629.50	100%
7	Cải tạo Nghĩa trang Liệt sĩ xã Minh Đức	1,196.00	1,196.00		1,023.60			1,023.60		982.80			982.80		982.80	100%
8	Các hạng mục phụ trợ trường MN Minh Đức (Điểm Minh Cường) hạng mục: Cải tạo sân, xây mới nhà bảo vệ, nhà xe	1,175.50	1,175.50		1,106.80			1,106.80		1,095.50			1,095.50		1,095.50	100%
9	Nâng cấp cải tạo trục đường giao thông xã Minh Đức, huyện Tứ Kỳ	5,347.70	5,347.70	1,209.6	2,058.48			2,058.48		1,976.48			1,976.48		1,976.48	100%
10	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường Mầm non B thôn Vạn, xã Minh Đức	8,253.40	8,253.40	4,094.0	4,181.68			4,181.68								
	Xây dựng cổng tường rào và sân bê tông nhà văn hóa thôn Phúc Lâm, xã Minh Đức huyện Tứ Kỳ	499.60	499.60					499.60								

TT	Tên công trình, dự án	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã giao đến hết năm 2024 từ tất cả các nguồn vốn	Tổng kế hoạch vốn giao giai đoạn 2021- 2025					Kế hoạch đầu tư công năm 2025					Kế hoạch giải ngân đến 30/11/2025	
		Tổng số	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Bao gồm				Tổng số các nguồn vốn	Bao gồm				Bao gồm	
						Vốn XDCB tập trung	Thu sử dụng đất	Vốn bổ sung ngân sách cấp trên	Nguồn vốn khác		Nguồn tăng thu NSX	Thu sử dụng đất	Vốn bổ sung ngân sách cấp trên	Nguồn vốn khác	Tổng vốn giải ngân	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)=8+9+10	(8)	(9)	(10)		(11)=12+13+14	(12)	(13)	(14)		(18)	(21)
	THỊ TRẦN TƯ KỶ (Cũ)	36,072.1	36,072.1	15,704.5	0.0	0.0	0.0	0.0		12,226.2	0.0	0.0	12,226.2		12,226.2	100%
1	Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng - trường THCS thị trấn Tư Kỳ	14,979.9	14,979.9	13,532.1						873.9			873.90		873.90	100%
2	Xây dựng cải tạo nghĩa trang liệt sĩ thị trấn Tư Kỳ	4,655.1	4,655.1	1,000.0						3,515.1			3,515		3,515	100%
3	Nâng cấp, cải tạo hệ thống kênh thoát nước thị trấn Tư Kỳ (Đoạn từ đường 391 đến kênh T7 + đoạn từ đường An Bái đến kênh T7)	2,139.2	2,139.2	1,000.0						990.2			990.2		990.2	100%
4	Đường giao thông nội đồng thị trấn Tư Kỳ (Đoạn từ trạm bơm trường tiểu học đến tiếp giáp đường vào xóm Dân Chủ)	1,178.6	1,178.6	-						1,113.1			1,113.10		1,113.10	100%
5	Cải tạo bờ lốc, via hè, cây xanh đường tỉnh 391 từ Km17+400-Km18+854 (đoạn qua trung tâm thị trấn), huyện Tư Kỳ, tỉnh Hải Dương	9,068.8	9,068.8	72.4						2,057.3			2,057.300		2,057.300	100%
6	Cải tạo, nâng tầng 3 khu nhà hiệu bộ + nhà bếp trường Mầm non thị trấn Tư Kỳ, huyện Tư Kỳ	1,952.5	1,952.5	100.0						1,676.56			1,676.6		1,676.0	100%
7	Các hạng mục phụ trợ Trường THCS Thị trấn Tư Kỳ; HM: Phá dỡ, xây mới nhà vệ sinh, nhà xe	872	872							871.79			871.8		871.8	100%
8	Hệ thống đèn Led trên trục đường Tây Nguyên, thị trấn Tư Kỳ, huyện Tư Kỳ; HM: Bảng Led Full HD đa màu trên trục đường Tây Nguyên	666	666							665.6			665.6		666	100%
9	Hệ thống đèn Led Full HD đa màu ngã ba trung tâm thị trấn Tư Kỳ, huyện Tư Kỳ; HM: Bảng Led Full HD đa màu ngã ba trung tâm thị trấn Tư Kỳ	561	561							463			463		463	100%
	Xã Quang Phục (cũ)	54,849.0	54,849.0					0.0		15,483.0	0.0	0.0	15,483.0		15,483.0	100%
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Quang Phục, huyện Tư Kỳ (Tuyến 1: từ xóm Bích Lâm đến xóm Đồng Tràng thôn Bích Đồng; Tuyến 2: từ trường mầm non xã đến Nhà văn hóa thôn Bích Cẩm). Hạng mục: Nền, mặt đường, via hè và thoát nước	3,554	3,554							2,068.9			2,068.9		2,068.9	100%
2	Cải tạo, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung Bích Đồng-Ba Làng xã Quang Phục, huyện Tư Kỳ	11,314	11,314							1,356.1			1,356.1		1,245.3	92%
3	Cải tạo, sửa chữa Nghĩa trang liệt sỹ Quang Phục, xã Quang Phục, huyện Tư Kỳ	2,907	2,907							418.7			418.7		418.7	100%
4	Trường mầm non Quang Phục, huyện Tư Kỳ; hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng (vị trí số 3)	5,706	5,706							977.0			977.0		929.5	95%

TT	Tên công trình, dự án	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã giao đến hết năm 2024 từ tất cả các nguồn vốn	Tổng kế hoạch vốn giao giai đoạn 2021- 2025					Kế hoạch đầu tư công năm 2025					Kế hoạch giải ngân đến 30/11/2025	
		Tổng số	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Bao gồm				Tổng số các nguồn vốn	Bao gồm				Bao gồm	
						Vốn XDCB tập trung	Thu sử dụng đất	Vốn bổ sung ngân sách cấp trên	Nguồn vốn khác		Nguồn tăng thu NSX	Thu sử dụng đất	Vốn bổ sung ngân sách cấp trên	Nguồn vốn khác	Tổng vốn giải ngân	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)=8+9+10	(8)	(9)	(10)		(11)=12+13+14	(12)	(13)	(14)		(18)	(21)
5	Nhà hiệu bộ và phòng học chức năng 3 tầng Trường mầm non Quang phục, huyện Tứ Kỳ	4,725	4,725							888.4			888.4		888.4	100%
6	Các hạng mục phụ trợ Trường mầm non Quang phục, huyện Tứ Kỳ	2,437	2,437							1,043.8			1,043.8		948.9	91%
7	Nhà hiệu bộ trường Tiểu học Quang Phục, xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ	4,408	4,408							2,643.5			2,643.5		2,574.9	97%
8	Nhà hiệu bộ trường THCS xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ	7,832	7,832							2,672.6			2,672.6		2,672.6	100%
9	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng trường Tiểu học Quang Phục, xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ	11,967	11,967							3,414.0			3,414.0		3,414.0	100%
	Xã Quang Khải (cũ)	50,692.5	50,692.5	23,827.0	0.0	0.0	0.0	0.0		15,446.0	0.0	0.0	15,446.0		15,446.0	100%
1	Nhà hiệu bộ và phòng học chức năng 3 tầng trường Tiểu học xã Quang Khải, huyện Tứ Kỳ	8,100	8,100	7,244.0						289.79	-		289.79		289.70	100%
2	Cải tạo sửa chữa sân, nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường Tiểu học Quang Khải, huyện Tứ Kỳ	1,200	1,200	650.0						392.83	-		392.83		392.80	100%
3	Trạm Y tế xã Quang Khải	5,310	5,310	1,750.0						3,272.17	-		3,272.17		3,272.17	100%
4	Công trình: Cải tạo khu vệ sinh Nhà lớp học Trường Mầm Non Quang Khải	1,240	1,240	10.1						1,134.31	-		1,134.31		1,134.10	100%
5	Cải tạo, nâng cấp Đường trục xã Quang Khải, huyện Tứ Kỳ (đoạn từ cầu phao Đồn đến cổng trạm bơm	14,999	14,999	5,272.9						2,657.30	-		2,657.30		2,657.20	100%
6	Đường trục vành đai xã Quang Khải (Đoạn từ khu dân cư mới thôn Vũ Xá đến cổng mới)	10,600	10,600	3,000						5,483.56	-		5,483.56		5,483.50	100%
7	Nhà hiệu bộ + Lớp học 3 tầng trường THCS Quang Khải, huyện Tứ Kỳ	9,243	9,243	5,900						2,216	-		2,216		2,216.00	100%
II	Dự án chuyển tiếp	47,847	47,847	3,735	28,240	0	13,900	3,000	11,340	4,700	0	0	0	4,700	4,700	100%
1	Dự án chưa phê duyệt quyết toán	47,847	47,847	3,735	28,240	0	13,900	3,000	11,340	4,700	0	0	0	4,700	4,700	100%
1	Cải tạo nâng cấp đường Miếu Đồng Ốc thị trấn Tứ Kỳ, đoạn từ ĐT 391 đến đường vành đai Đông Bắc	9,135	9,135.0	3,735.0	5,400		5,400			0		0	0			
2	Nhà đa năng trường THCS	12,643.90	12,643.90	-	6,000		6,000			0		0				

TT	Tên công trình, dự án	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã giao đến hết năm 2024 từ tất cả các nguồn vốn	Tổng kế hoạch vốn giao giai đoạn 2021- 2025					Kế hoạch đầu tư công năm 2025					Kế hoạch giải ngân đến 30/11/2025	
		Tổng số	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Bao gồm				Tổng số các nguồn vốn	Bao gồm				Bao gồm	
						Vốn XDCB tập trung	Thu sử dụng đất	Vốn bổ sung ngân sách cấp trên	Nguồn vốn khác		Nguồn tăng thu NSX	Thu sử dụng đất	Vốn bổ sung ngân sách cấp trên	Nguồn vốn khác	Tổng vốn giải ngân	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)=8+9+10	(8)	(9)	(10)		(11)=12+13+14	(12)	(13)	(14)		(18)	(21)
3	Nhà hiệu bộ và phòng học chức năng trường TH Minh Đức	12,528.40	12,528.40	-	5,000		2,000	3,000		0		0				
4	Mở rộng, khuôn viên, xây dựng nhà đa năng, bếp ăn bán trú và các công trình phụ trợ trường tiểu học Quang Khải	11,340.00	11,340.00	-	11,340				11,340	4,700				4,700	4,700	100%
7	Lập quy hoạch chung xã Tứ Kỳ	2,200.00	2,200.00	-	500		500			0		0				
III	Dự án khởi công mới	10,023	10,023	300	4,806	0	4,806	0	0	3,000	0	3,000	0	0	0	0%
2	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Lâm. Hạng mục Nhà tổ, nhà mẫu, đền thánh	2,806	2,806	300	2,806		2,806			-		-				
5	Trường TH Tứ Kỳ; Hạng mục: San lấp, sân đường, cổng tường rào	5,517	5,517	-	1,500		1,500			2,000		2,000				0%
6	Cải tạo sân, xây mới cổng trường MN Quang Khải	1,700	1,700	-	500		500			1,000		1,000				0%

